TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẬP THẠCH** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HSST
Ngày 20 tháng 5 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH – TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Nga

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trung Thành

2. Bà Đặng Thị Liễu

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Công Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Anh V, sinh ngày 21/9/1996, tại tỉnh V

Nơi ĐKHKTT và cư trú: thôn B, xã Đ, huyện L, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; bố đẻ: Trần Văn T; mẹ đẻ: Đặng Thị H; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 16/12/2019, TAND huyện Lập Thạch ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sơ cai nghiện bắt buộc; ngày 05/02/2020, Công an huyện Lập Thạch ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/2/2020 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Lập Thạch, có mặt.

- *Người bị hại*: Bà Đặng Thị T, sinh năm 1959
Nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh V, có mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Chị Đặng Thị H, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện L, tỉnh V, có mặt.

- *Người làm chứng*: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh V, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dụng vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi chiều ngày 05/12/2019, Trần Anh V một mình đi bộ từ nhà đến thôn Tây Hạ Nam, xã Bàn Giản chơi. Đến khoảng 16h cùng ngày khi V đang một mình ngồi nghỉ ở gần cổng nhà bà Đặng Thị T thì thấy bà T đi xe mô tô BKS 88D1 – 229.49 về nhà, bà T dựng xe bằng chân chống phụ tại cổng nhưng không rút chìa khóa và vẫn cho xe nổ máy để xuống mở cánh cổng vào nhà (cổng nhà bà T nằm sát với đường đi và cách vị trí dựng xe khoảng 01m), V nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe, mang đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài. Thấy bà T đang thò tay để mở cổng, V liền đi nhanh đến rồi ngồi lên xe của bà T và tăng ga bỏ chạy, bà T phát hiện liền nắm lấy đuôi xe để giật lại, V tiếp tục tăng ga thì bà T bị trượt chân, tuột tay, ngã sấp xuống đường. V phóng xe chạy được một đoạn thì dừng lại, xuống xe và mở cốp xe của bà T, trong đó có 20.000đ tiền mặt, 01 chiếc khóa hình chữ U, 01 chiếc áo mưa và 01 quyển sổ lĩnh tiền trợ cấp hàng tháng, V lấy số tiền 20.000đ cất vào người và dùng tay tháo 02 chiếc gương chiếu hậu xe ném bỏ xuống cánh đồng rồi điều khiển xe đi đến nhà Đỗ Thái H1 ở thôn Cộng Hòa, xã Xuân Lôi, huyện Lập Thạch để cầm cố được 500.000đ tiền mặt và 1.000.000đ tiền quy đổi ra bằng 02 phân ma túy, số ma túy và 520.000đ tiền mặt V đều đã sử dụng hết. Sau đó V về nhà nói lại cho gia đình biết. Đến ngày 06/12/2019, chị Đặng Thị H (mẹ đẻ V) đến nhà gặp H1 chuộc lại chiếc xe BKS 88D1- 229.49 rồi giao nộp cho Cơ quan điều tra. Còn bà T bị thương, xây xát hai đùi và đầu gối chân phải đi điều trị tại Trạm y tế xã Bàn Giản và Trung tâm y tế Tam Dương.

Trên cơ sở trưng cầu của Cơ quan điều tra, ngày 11/12/2019 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lập Thạch đã kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen đỏ, BKS 88D1-229.59 của bà Đặng Thị T trị giá 13.000.000đ.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Anh V khai nhận khi cầm cố chiếc xe BKS 88D-229.49 cho Đỗ Thái H1 thì V nói chiếc xe là của em trai, bản thân V không nói cho H1 biết chiếc xe là do phạm tội mà có; V cầm cố chiếc xe cho H1 được 500.000đ tiền mặt và 1.000.000đ tiền quy đổi ra bằng 02 phân ma túy. Cơ quan điều tra đã xác minh, triệp tập nhiều lần nhưng hiện nay H1 không có mặt tại địa phương.

Ngoài lời khai của V thì không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh hành vi chứa chấp, tiêu thụ tài sản và hành vi mua bán trái phép chất ma túy của H1, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với số ma túy, Trần Anh V khai một mình sử dụng hết nên Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

Đối với bà Đặng Thị Tý chỉ bị thương tích nhẹ, Cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu giám định nhưng bà Tý từ chối giám định thương tích và không đề nghị xử lý Vũ về hành vi gây thương tích cho bà.

Về dân sự: Bà T yêu cầu V phải bồi thường các chi phí hợp lý trong việc điều trị thương tích là 1.764.000đ + 500.000đ (tiền 02 chiếc gương xe, 01 chiếc khóa hình chữ U, 01 áo mưa và tiền mặt). Tổng cộng là 2.264.000đ.Tại phiên tòa, bị cáo V đồng ý bồi thường cho bà T số tiền như trên.

Đối với số tiền 2.200.000đ chị Đặng Thị H bỏ ra chuộc chiếc xe do Trần Anh V cầm cố cho Đỗ Thái H1, chị H yêu cầu V phải trả lại cho chị số tiền này. Tại phiên tòa, bị cáo V đồng ý trả lại cho chị H số tiền như chị H yêu cầu.

Tại bản cáo trạng số: 26/CT- VKS ngày 28 tháng 4 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch truy tố Trần Anh V về tội " Cướp giật tài sản" theo Khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch luận tội đối với bị cáo Trần Anh V, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Sau khi đánh giá, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo Trần Anh V phạm tội: "Cướp giật tài sản"; áp dụng Khoản 1 Điều 171, Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo từ 21 tháng đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam;

Áp dụng các Điều 166, 584, 585, 589, 590 Bộ luật dân sự. Buộc Trần Anh V bồi thường cho bà T 2.264.000đ và trả lại cho chị H 2.200.000đ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự trong án hình sự.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có lời bào chữa, bổ sung nào khác.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng: Bà T và bà H giữ nguyên quan điểm và không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là sai trái, bị cáo rất hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lập Thạch, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa bị cáo Trần Anh V đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, bản kiểm điểm của bị cáo; lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở để xác định: Do cần tiền để tiêu xài cá nhân nên khoảng 16 giờ ngày 05/12/2019, Trần Anh V đã cướp giật của bà Đặng Thị T một chiếc xe mô tô BKS 88D1 – 229.49 tại cổng nhà bà T sau đó V cầm cố chiếc xe cho H1 được 500.000đ tiền mặt và 1.000.000đ tiền quy đổi ra bằng 02 phân ma túy. Giá trị chiếc xe theo Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự là 13.000.000đ.

Hành vi nêu trên của Trần Anh V đã phạm vào tội: "Cướp giật tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Điều luật quy định: *"1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm".*

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là táo bạo, gây nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận bất bình trong nhân dân. Vì vậy, phải đưa ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật và có hình phạt tương xứng với tính

chất, hành vi phạm tội của bị cáo, như vậy mới có tác dụng cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Ngày 16/12/2019, bị cáo bị TAND huyện Lập Thạch ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và ngày 05/02/2020, Công an huyện Lập Thạch ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác. Tuy nhiên, những hành vi này của bị cáo đều bị xử lý sau khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên không xác định là tiền sự cho bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, điều kiện nhân thân, hoàn cảnh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, song dù giảm nhẹ cũng cần phải xử phạt bị cáo với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ về hành vi bị cáo đã thực hiện như mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[3] Về áp dụng hình phạt bổ sung: theo quy định tại Khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng"*. Qua xem xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo V thấy rằng: bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định; là người nghiện ma túy, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng vụ án:

Đối với 01 mô tô BKS 88D1-229.49, nhãn hiệu Honda Wave màu đen đỏ và 01 quyển sổ lĩnh tiền trợ cấp xã hội là của bà T, xác nhận cơ quan điều tra đã trả lại cho bà T là là đúng sở hữu, hợp pháp.

Đối với yêu cầu của bà T yêu cầu V phải bồi thường các chi phí trong việc điều trị thương tích và tài sản bị thiệt hại, tổng số tiền là 2.264.000đ. Xét việc bà T yêu cầu V phải bồi thường là có căn cứ. Tại phiên tòa, bị cáo chấp nhận bồi thường cho bà T số tiền trên là hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bà T số tiền là 2.264.000đ.

Đối với số tiền 2.200.000đ, chị Đặng Thị H bỏ ra chuộc chiếc xe do Trần Anh V cầm cố cho Đỗ Thái H1. Chị H yêu cầu bị cáo phải trả lại cho chị số tiền

trên, bị cáo chấp nhận trả lại cho chị H1 số tiền trên. Xét yêu cầu của chị H1 là có căn cứ và việc bị cáo chấp nhận trả là hoàn toàn tự nguyện nên cần buộc bị cáo phải trả lại cho chị H1 số tiền là 2.200.000đ.

Đối với số ma túy, Trần Anh V khai một mình sử dụng hết nên Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với việc Trần Anh V cầm cố chiếc xe BKS 88D-229.49 cho Đỗ Thái H1. Khi đó V nói chiếc xe là của em trai, bản thân V không nói cho H biết chiếc xe là do phạm tội mà có; V cầm cố chiếc xe cho H được 500.000đ tiền mặt và 1.000.000đ tiền quy đổi ra bằng 02 phân ma túy. Cơ quan điều tra đã xác minh, triệp tập nhiều lần nhưng hiện nay H không có mặt tại địa phương. Ngoài lời khai của V thì không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh hành vi chứa chấp, tiêu thụ tài sản và hành vi mua bán trái phép chất ma túy của H1, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp.

Đối với bà Đặng Thị T chỉ bị thương tích nhẹ, Cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu giám định nhưng bà T từ chối giám định thương tích và không đề nghị xử lý V về hành vi gây thương tích cho bà nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 171; Điểm s Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự

Tuyên bố: Bị cáo Trần Anh V phạm tội "Cướp giật tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Trần Anh V 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/02/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 166, Điều 584, Điều 585, Điều 589, Điều 590, Điều 357 Bộ luật dân sự.

Xác nhận ngày 19/3/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Nguyễn Thị T 01 xe mô tô BKS 88D1-229.49 nhãn hiệu Honda Wave màu đen đỏ và 01 quyển sổ lĩnh tiền trợ cấp xã hội của bà T.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Đặng Thị T số tiền điều trị thương tích và thiệt hại về tài sản là 2.264.000đ.

Buộc bị cáo phải trả lại cho chị Đặng Thị H số tiền 2.200.000đ

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án, bị cáo không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất với khoản tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Anh V phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự trong án hình sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Lê Thị Nga

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;*
- *VKSND huyện Lập Thạch;*
- *Chi cục THADS Lập Thạch;*
- *Công an huyện Lập Thạch;*
- *Trại giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;*
- *Sở Tư pháp Vĩnh Phúc;*
- *UBND xã Đ;*
- *Bị cáo; Bị hại, người có QLNVLQ;*
- *Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.*